

Hướng dẫn giải các bài tập 1, 2, 3, 4 trang 95 sách giáo khoa Toán lớp 4 tập 1 được trình bày chi tiết, chính xác và dễ hiểu dưới đây sẽ giúp các em học sinh, phụ huynh tham khảo, luyện tập cách giải Toán về phép chia hết cho 2, cách nhận biết số chẵn, số lẻ và cách giải các bài tập liên quan đến chia hết cho 2 và không chia hết cho 2

Giải Toán lớp 4 trang 95 SGK bài 1

Trong các số 35; 89; 98; 1000; 744; 867; 7536; 84 683; 5782; 8401:

a) Số nào chia hết cho 2?

b) Số nào không chia hết cho 2?

Phương pháp giải:

- Các số có chữ số tận cùng là 0; 2; 4; 6; 8 thì chia hết cho 2.

- Các số có chữ số tận cùng là 1; 3; 5; 7; 9 thì không chia hết cho 2.

Đáp án:

a) Số chia hết cho 2 là: 98; 1000; 744; 5782; 7536.

b) Số không chia hết cho 2 là: 35; 89; 867; 8401; 84 683.

Giải bài 2 SGK Toán lớp 4 trang 95

a) Viết bốn số có hai chữ số, mỗi số đều chia hết cho 2.

b) Viết hai số có ba chữ số, mỗi số đều không chia hết cho 2.

Phương pháp giải:

- Các số có chữ số tận cùng là 0; 2; 4; 6; 8 thì chia hết cho 2.

- Các số có chữ số tận cùng là 1; 3; 5; 7; 9 thì không chia hết cho 2.

Đáp án:

a) Bốn số có hai chữ số, mỗi số đều chia hết cho 2 là: 44; 98; 68; 26.

b) Hai số có ba chữ số, mỗi số đều không chia hết cho 2 là: 397; 675.

Giải bài Toán lớp 4 trang 95 bài 3 SGK

a) Với ba chữ số 3; 4; 6 hãy viết các số chẵn có ba chữ số, mỗi số có cả ba chữ số đó.

b) Với ba chữ số 3; 5; 6 hãy viết các số lẻ có ba chữ số, mỗi số có cả 3 chữ số đó.

Phương pháp giải:

- Số chia hết cho 2 là số chẵn.

- Số không chia hết cho 2 là số lẻ.

Đáp án:

a) Với ba chữ số 3; 4; 6 hãy viết các số chẵn có ba chữ số, mỗi số có cả ba chữ số đó: 346; 364; 436; 634.

b) Với ba chữ số 3; 5; 6 hãy viết các số lẻ có ba chữ số, mỗi số có cả 3 chữ số đó: 365; 563; 635; 653.

Giải Toán lớp 4 SGK bài 4 trang 95

a) Viết số chẵn thích hợp vào chỗ chấm:

340; 342; 344; ... ; ... ; 350.

b) Viết số lẻ thích hợp vào chỗ chấm:

8347; 8349; 8351; ... ; ... ; 8357.

Phương pháp giải:

- Số chia hết cho 2 là số chẵn.

- Số không chia hết cho 2 là số lẻ.

Đáp án:

a) Viết số chẵn thích hợp vào chỗ chấm: 340; 342; 344; 346; 348; 350.

b) Viết số lẻ thích hợp vào chỗ chấm: 8347; 8349; 8351; 8353; 8355; 8357.

Ôn tập lý thuyết dấu hiệu chia hết cho 2

a) Ví dụ

$$10 : 2 = 5$$

$$11 : 2 = 5 \text{ (dư 1)}$$

$$32 : 2 = 16$$

$$33 : 2 = 16 \text{ (dư 1)}$$

$$14 : 2 = 7$$

$$15 : 2 = 7 \text{ (dư 1)}$$

$$36 : 2 = 18$$

$$37 : 2 = 18 \text{ (dư 1)}$$

$$28 : 2 = 14$$

$$29 : 2 = 14 \text{ (dư 1)}$$

b) Dấu hiệu chia hết cho 2

Các số có chữ số tận cùng là 0 ; 2 ; 4 ; 6 ; 8 thì chia hết cho 2.

Chú ý: Các số có chữ số tận cùng là 1 ; 3 ; 5 ; 7 ; 9 thì không chia hết cho 2.

c) Số chẵn, số lẻ

- Số chia hết cho 2 là số chẵn.

Chẳng hạn : 0 ; 2 ; 4 ; 6 ; 8 ; ... ; 156 ; 158 ; 160 ; ... là số chẵn.

- Số không chia hết cho 2 là số lẻ.

Chẳng hạn : 1 ; 3 ; 5 ; 7 ; 9 ; ... ; 567 ; 569 ; 571 ; ... là số lẻ.

$$10 : 2 = 5$$